

**KẾT QUẢ CẦN ĐẠT**

- Hiểu được ảnh hưởng của hoàn cảnh xã hội và các nhân tố thuộc cuộc đời riêng đối với sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du ; nắm vững những điểm chính trong sự nghiệp sáng tác và những đặc trưng cơ bản về nội dung và nghệ thuật của thơ văn ông.
- Nắm được một số đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật của *Truyện Kiều* qua các đoạn trích.

**Phần một : TÁC GIẢ****I - CUỘC ĐỜI**

Nguyễn Du sinh năm 1765 tại Thăng Long, tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. Tổ tiên Nguyễn Du vốn từ làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc Hà Nội) sau di cư vào xã Nghi Xuân, huyện Tiên Điền (nay là làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh). Cha Nguyễn Du là Nguyễn Nghiễm (1708 – 1775) và mẹ là Trần Thị Tần (1740 – 1778), quê Bắc Ninh. Vợ Nguyễn Du là con gái Đoàn Nguyễn Thục, quê ở Quỳnh Côi, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Thái Bình). Nguyễn Du may mắn được tiếp nhận truyền thống văn hoá của nhiều vùng quê khác nhau. Đó là một tiền đề thuận lợi cho sự tổng hợp nghệ thuật của nhà đại thi hào dân tộc.

Thời thơ ấu và niên thiếu, Nguyễn Du sống tại Thăng Long trong một gia đình phong kiến quyền quý. Thân phụ ông đã có lúc giữ chức Tế tướng trong triều đình Lê – Trịnh. Nhưng mới 10 tuổi đã mồ côi cha, năm 13 tuổi, mồ côi mẹ, Nguyễn Du đến sống với người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản (1734 – 1786). Nguyễn Khản từng làm quan tới chức Tham tụng, nổi tiếng phong lưu một thời, thân với chúa Trịnh Sâm và là người rất mê hát xướng. Trong thời gian này Nguyễn Du có

những điều kiện thuận lợi để dùi mài kinh sử, có dịp hiểu biết về cuộc sống phong lưu, xa hoa của giới quý tộc phong kiến – những điều đó đã để lại dấu ấn trong sáng tác văn học của ông sau này. Sự xuất hiện khá đậm nét hình tượng những người ca nhi, kĩ nữ với tiếng đàn giọng hát và thân phận đau khổ của họ trong sáng tác của Nguyễn Du rất có thể là sự ám ảnh từ những gì ông đã chứng kiến trong gia đình người anh. Năm 1783, Nguyễn Du thi Hương đỗ tam trường (tú tài) và được tập ấm<sup>(1)</sup> nhận một chức quan nhỏ ở Thái Nguyên. Nhưng cuộc đời yên ả không kéo dài được bao lâu. Do nhiều biến cố lịch sử, từ năm 1789, Nguyễn Du đã rơi vào cuộc sống đầy khó khăn gian khổ hơn chục năm trước khi ra làm quan cho nhà Nguyễn. Những trải nghiệm trong môi trường quý tộc và cuộc sống phong trần đem lại cho Nguyễn Du một vốn sống thực tế phong phú, đã thôi thúc ông suy ngẫm nhiều về xã hội, về thân phận con người, tạo tiền đề quan trọng cho sự hình thành tài năng và bản lĩnh sáng tạo văn chương. Hơn mười năm lăn lộn chạt vật ở các vùng nông thôn khác nhau cũng là dịp Nguyễn Du học hỏi, nắm vững ngôn ngữ nghệ thuật dân gian : “*Thôn ca sơ học tang ma ngữ*” (Tiếng hát nơi thôn dã giúp ta biết ngôn ngữ trong nghề trồng dâu trồng gai). Đây là vốn hiểu biết rất cần thiết cho sự hình thành phong cách ngôn ngữ của các sáng tác bằng chữ Nôm, đặc biệt là *Truyện Kiều*.

Sau nhiều năm sống hết sức khó khăn chạt vật ở các vùng quê khác nhau, đến năm 1802, Nguyễn Du đã ra làm quan cho nhà Nguyễn. Hoạn lộ của Nguyễn Du khá thuận lợi. Năm 1802, ông nhậm chức Tri huyện tại huyện Phù Dung (nay thuộc Khoái Châu, Hưng Yên), sau đổi sang Tri phủ Thường Tín (nay thuộc Hà Nội). Từ năm 1805 đến năm 1809, ông được thăng chức Đông Các điện học sĩ, năm 1809, được bổ làm Cai bạ dinh Quảng Bình. Năm 1813, ông được thăng Cẩn Chánh điện học sĩ và giữ chức Chánh sứ đi Trung Quốc. Sang Trung Quốc, Nguyễn Du trực tiếp tiếp xúc với một nền văn hoá mà từ nhỏ ông đã quen thuộc qua nhiều sử sách và thơ văn. Chuyến đi sứ để lại những dấu ấn sâu đậm trong thơ văn, đặc biệt góp phần nâng tầm khái quát của những tư tưởng về xã hội và thân phận con người trong sáng tác của ông. Năm 1820, Nguyễn Du lại được cử làm Chánh sứ đi Trung Quốc nhưng lần này chưa kịp lên đường thì ông đã mất vào ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (18 – 9 – 1820).

Năm 1965, Hội đồng Hoà bình thế giới đã công nhận Nguyễn Du là danh nhân văn hoá thế giới và ra quyết định kỉ niệm trọng thể nhân dịp 200 năm năm sinh của ông.

---

(1) *Tập ấm* : (*tập* : truyền lại đời sau, *ấm* : nhờ ơn người trước để lại mà con cháu được phong tặng chức tước hoặc miễn cho một trách nhiệm nào đó) con cháu được thừa hưởng chức vụ nào đó của cha. Nguyễn Du được một viên võ quan họ Hà ở Thái Nguyên nhận làm con nuôi, vì ông họ Hà không có con nên khi chết, Nguyễn Du được tập ấm chức vụ đó.

## II - SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

### 1. Các sáng tác chính

a) *Sáng tác bằng chữ Hán* : Hiện nay giới nghiên cứu đã sưu tầm được 249 bài thơ chữ Hán do Nguyễn Du viết vào các thời kì khác nhau :

– *Thanh Hiên thi tập* (Tập thơ của Thanh Hiên) gồm 78 bài viết chủ yếu trong những năm tháng trước khi ra làm quan nhà Nguyễn.

– *Nam trung tạp ngâm* (Các bài thơ ngâm khi ở phương Nam) có 40 bài viết thời gian làm quan ở Huế và Quảng Bình, những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh, quê hương ông.

– *Bắc hành tạp lục* (Ghi chép trong chuyến đi sang phương Bắc) gồm 131 bài thơ sáng tác trong chuyến đi sứ Trung Quốc.

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du thể hiện tư tưởng, tình cảm, nhân cách của ông. Các bài thơ trong *Thanh Hiên thi tập* và *Nam trung tạp ngâm* tuy biểu hiện một tâm trạng buồn đau, day dứt nhưng đã cho thấy rõ khuynh hướng quan sát, suy ngẫm về cuộc đời, về xã hội của tác giả. Trong *Bắc hành tạp lục*, những điểm đặc sắc của tư tưởng, tình cảm Nguyễn Du được thể hiện rõ ràng hơn. Thơ Nguyễn Du viết khi đi sứ Trung Quốc có ba nhóm đáng chú ý :

– Ca ngợi, đồng cảm với các nhân cách cao thượng và phê phán những nhân vật phản diện ;

– Phê phán xã hội phong kiến chà đạp quyền sống con người ;

– Cảm thông với những thân phận nhỏ bé dưới đáy xã hội, bị đoạ đày hất hủi. Xét về đề tài và cảm hứng sáng tác, có nhiều điểm tương đồng giữa *Truyện Kiều* và các bài thơ chữ Hán trong *Bắc hành tạp lục*.

b) *Sáng tác bằng chữ Nôm* : Nguyễn Du có *Đoạn trường tân thanh* (còn gọi là *Truyện Kiều*) và *Văn chiêu hồn*.

*Truyện Kiều* được sáng tác trên cơ sở cốt truyện của tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc *Kim Vân Kiều truyện*. Tuy nhiên, Nguyễn Du đã sáng tạo nên một tác phẩm mới, với cảm hứng mới, nhận thức lí giải nhân vật theo cách của riêng ông, với thể loại truyện thơ khác hẳn *Kim Vân Kiều truyện* là tác phẩm tự sự văn xuôi. Trên một nền tảng nhân đạo chủ nghĩa vững chãi, với tài năng điêu luyện, với sự lựa chọn thể loại truyện thơ kết hợp nhuần nhuyễn cả chất tự sự và chất trữ tình, với sự am hiểu đồng thời cả ngôn ngữ bình dân cũng như ngôn ngữ văn học bác học, Nguyễn Du đã sáng tạo nên một kiệt tác độc nhất vô nhị của văn học trung đại Việt Nam.



*Truyện Kiều* là truyện thơ viết bằng thể thơ lục bát. *Văn chiêu hồn* nguyên tên là *Văn tế thập loại chúng sinh* (Văn tế mười loại chúng sinh) viết bằng thể thơ song thất lục bát. Bài văn tế thể hiện một phương diện quan trọng của chủ nghĩa nhân đạo trong sáng tác Nguyễn Du. Theo quan niệm xưa, hồn của những người chết bất hạnh cần được siêu sinh tịnh độ. Nguyễn Du viết bài thơ chiêu hồn cho nhiều hạng người khác nhau, kể cả những người thuộc tầng lớp phong kiến quý tộc. Song tấm lòng nhân ái của nhà thơ vẫn hướng về những thân phận nhỏ bé, dưới đáy xã hội như các em nhỏ, các kĩ nữ, những anh học trò nghèo. Do giá trị nhân đạo sâu sắc mà *Văn chiêu hồn* đã được phổ biến rộng rãi, kể cả trong phạm vi nhà chùa.

## 2. Một vài đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Du

a) *Đặc điểm nội dung* : Nếu so với nhiều nhà nho xưa làm thơ để nói chí (hướng về lí tưởng người quân tử) thì nét nổi bật xét về nội dung của sáng tác Nguyễn Du là sự đề cao xúc cảm, tức đề cao *tình*. Nội dung quan trọng hàng đầu trong thơ chữ Hán, *Truyện Kiều*, *Văn chiêu hồn* là *tình cảm chân thành*, là sự cảm thông sâu sắc của tác giả đối với cuộc sống và con người, đặc biệt là những con người nhỏ bé, bất hạnh, người phụ nữ. Người ăn mày, người mù hát rong, những ca nhi, kĩ nữ,... vốn bị xã hội cũ coi rẻ được nhà thơ nói đến bằng một tấm lòng trân trọng, thương yêu. Những khái quát của ông về cuộc đời, về thân phận con người thường mang tính triết lí cao và thấm đẫm xúc cảm. Nhà thơ triết lí với nỗi đau về thân phận bất hạnh của phụ nữ trong xã hội cũ : “Đau đớn thay phận đàn bà – Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung” (*Truyện Kiều*), “Đau đớn thay phận đàn bà – Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu ?” (*Văn chiêu hồn*). Ông khái quát bản chất tàn bạo của xã hội phong kiến, bộc lộ sự phẫn nộ đối với những kẻ đã hãm hại Khuất Nguyên : “Hậu thế nhân nhân giai Thượng Quan – Đại địa xứ xứ giai Mịch La” (Người đời sau ai cũng là Thượng Quan – Trên mặt đất, đâu cũng có sông Mịch La)<sup>(1)</sup>. Ý nghĩa xã hội sâu sắc của thơ ca Nguyễn Du gắn chặt với tình đời, tình người bao la của nhà thơ. Đặc biệt, cần lưu ý đến cái nhìn nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du vì ông là người đầu tiên trong văn học trung đại đã

---

(1) Hai câu thơ trích từ bài thơ *Phán “Chiêu hồn”*. Khuất Nguyên (khoảng 340 – 278 trước Công nguyên) là nhà thơ lớn của Trung Quốc thời cổ. Thượng Quan Ngân Thượng đã gièm pha khiến cho Khuất Nguyên bị Sở Hoài Vương ruồng bỏ, phải lưu đày xuống Giang Nam. Dòng sông Mịch La là nơi Khuất Nguyên đã uất ức nhảy xuống trầm mình. Tương truyền Tống Ngọc là nhà thơ cùng thời Khuất Nguyên đã làm bài *Chiêu hồn* để gọi hồn Khuất Nguyên về dương gian. Nguyễn Du viết bài *Phán “Chiêu hồn”* (Bác lại bài *Chiêu hồn*) : nếu hồn Khuất Nguyên có trở về cõi thế này thì cũng chẳng có gì tốt đẹp. Vì trên cõi đời này, đâu đâu cũng đầy những tên quan lại độc ác, những dòng sông oan nghiệt. *Phán “Chiêu hồn”* thuộc loại thơ có cảm hứng phê phán xã hội sâu sắc, mạnh mẽ và có sức khái quát nhất của thơ chữ Hán Nguyễn Du.

nêu lên một cách tập trung vấn đề về thân phận những người phụ nữ có sắc đẹp và tài năng văn chương nghệ thuật (thơ, nhạc,...). Ông đã đề cập đến một vấn đề rất mới, nhưng cũng rất quan trọng của chủ nghĩa nhân đạo trong văn học : xã hội cần phải trân trọng những giá trị tinh thần, do đó cần phải trân trọng chủ thể sáng tạo ra những giá trị tinh thần đó. Nguyễn Du là tác giả tiêu biểu của trào lưu nhân đạo chủ nghĩa trong văn học cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX còn vì ông đề cao hạnh phúc của con người tự nhiên, trần thế. *Truyện Kiều* thấm đẫm tinh thần ngợi ca, trân trọng vẻ đẹp kì diệu của tình yêu lứa đôi.

b) *Đặc điểm nghệ thuật* : Nguyễn Du là nhà thơ có học vấn uyên bác. Ông nắm vững nhiều thể thơ của Trung Quốc, làm thơ theo thể *ngũ ngôn cổ thi, ngũ ngôn luật, thất ngôn luật và ca, hành (nhạc phủ),...* Thơ chữ Hán của ông ở thể thơ nào cũng có bài xuất sắc. Đặc biệt phải nói đến tài năng nghệ thuật của nhà thơ trong các sáng tác bằng chữ Nôm. Nguyễn Du đã góp phần trau dồi ngôn ngữ văn học dân tộc, làm giàu cho tiếng Việt qua việc Việt hoá nhiều yếu tố ngôn ngữ ngoại nhập. Đến *Truyện Kiều* của ông, thể thơ lục bát đã chứng tỏ khả năng chuyển tải nội dung tự sự và trữ tình to lớn của thể loại truyện thơ.

## HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Anh (chị) có nhận xét gì về cuộc đời của Nguyễn Du ? Những đặc điểm về cuộc đời của Nguyễn Du góp phần lí giải những thành công trong sáng tác của nhà thơ như thế nào ?
2. Cho biết các sáng tác chính của Nguyễn Du và đặc điểm chủ yếu của chúng.

### GHI NHỚ

Nguyễn Du là nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa tiêu biểu của văn học Việt Nam trung đại. Ông có đóng góp to lớn đối với văn học dân tộc về nhiều phương diện nội dung và nghệ thuật, xứng đáng được gọi là thiên tài văn học.